

CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ÑÀ QUỲ PHU NHUAN
170E Phan Ñang Lũu Phõng 3 Quan Phu Nhuận

BAO CAO LÖU CHUYEN TIEN TE

ÑEN 30/09/2010

Nôn và tính : ñoing

STT	Chi tiêu	MS	Nam nay	Nam trước
I	Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh			
1	Lãi nhuan trước thuế	01	216,015,391,544	177,125,960,135
2	Nhiều chênh cho các khoản			
	- Khấu hao tài sản cố định và phân bổ	02	8,608,333,724	7,480,332,878
	- Các khoản đổi phòng	03	23,190,188	911,257,776
	- Lãi , lợi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	
	- Lãi , lợi từ hoạt động đầu tư	05	(48,838,479,176)	(26,334,541,422)
	- Chi phí lãi vay	06	40,857,159,582	24,065,609,173
3	Lãi nhuan từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	216,665,595,862	183,248,618,540
	- Tăng giảm các khoản phải thu	09	51,638,581,390	(10,928,727,918)
	- Tăng giảm hàng tồn kho	10	(215,912,877,961)	18,217,148,828
	- Tăng , giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả , thuế thu nhập phải nộp)	11	(67,834,970,539)	(42,349,883,413)
	- Tăng giảm chi phí trả trước	12	(7,569,976,255)	1,707,575,723
	- Tiền lãi vay đã trả	13	(40,857,159,582)	(24,065,609,173)
	- Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(29,128,665,052)	(33,871,337,376)
	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	11,527,018,238	4,217,368,047
	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1,483,642,680)	
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh	20	(82,956,096,579)	96,175,153,258
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm , xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(58,900,765,021)	(13,978,340,331)
2	Tiền thu từ thanh lý , nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	13,307,991,972	745,000,000
3	Tiền cho vay , mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
4	Tiền thu hồi cho vay , bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	29,475,000,000	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(136,944,921,763)	(74,342,416,000)
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	17,290,000,000	250,000,000
7	Tiền thu lại cho vay , cho tức và lãi nhuan trước chia	27	34,264,182,225	23,000,763,400

STT	Chỉ tiêu	MS	Nam nay	Nam trước
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(101,508,512,587)	(64,324,992,931)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	(7,090,000)
2	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận lãi	33	5,146,862,334,033	2,547,243,610,034
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5,018,077,880,724)	(2,404,629,080,085)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
6	Cơ sở, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(57,000,000,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	128,784,453,309	85,607,439,949
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	(55,680,155,857)	117,457,600,276
	Tiền và công nợ phải trả	60	244,771,724,200	60,265,877,993
	Loại trừ khoản công nợ phải trả		-	-
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
	Tiền và công nợ phải trả cuối kỳ (70= 50+60+61)	70	189,091,568,343	177,723,478,269
			-	-

* Số dư đầu tiên thay đổi do hiệu chỉnh khoản tổng công nợ

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày 20 tháng 10 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC

-